TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1045/2023/DS-PT
Ngày: 06/11/2023
V/v Tranh chấp đòi tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thoa

Bà Phạm Thị Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Tiến Thịnh, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/11/2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 367/2023/TLPT-DS ngaøy 02 thùng 10 naêm 2023 veà "Tranh chấp đòi tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 2033/2023/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4583/2023/QĐ-PT ngày 05/10/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14384/2023/QĐPT-LĐ ngày 26/10/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958 (có mặt)

Thường trú: số F Đường E, Tổ A, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Tiến S, sinh năm 1960, Luật sư Văn phòng Luật sư Huỳnh Tiến S - Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

Địa chỉ: số H đường Q, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trường T, sinh năm 1991 (có mặt)

Thường trú: số 65/66/5 Đường E, Tổ A, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1 Bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1955 (Xin vắng mặt)

Thường trú: K4/181 Khu phố E, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2 Bà Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1966 (có mặt)

Thường trú: 13/02 Khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3 Ông Nguyễn Hồng X, sinh năm 1965 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số F Đường E, Tổ A, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Trường T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2022 và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà là con của ông Nguyễn Văn R đã chết năm 1979 và bà Nguyễn Thị T2 đã chết năm 2018. Cha mẹ của ông R là ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị T3, cha mẹ của bà T2 là ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị C. Những người này đã chết trước bà T2 và ông R.

Ông R và bà T2 có tất cả 04 người con chung gồm bà Nguyễn Thị Á, bà là Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Hồng X, bà Nguyễn Xuân T1. Ngoài ra, ông R, bà T2 không còn người con nào khác.

Khi còn sống ông R bà T2 có tạo lập được tài sản là nhà đất số F Đường E, Tổ A, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh đã được Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số BĐ 028979, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00688 ngày 22/12/2010. Ngày 20/5/2021 ông X đã có văn bản từ chối nhận di sản thừa kế tài sản này của ông R và bà T2. Ngày 04/6/2021 bà Á, bà là H, bà T1 đã thực hiện thủ tục khai nhận di sản thừa kế đối với nhà đất số F Đường E, Tổ A, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 08/3/2022 bà Á, bà H, bà T1 đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T đăng ký biến động là những người có quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, thực tế nhà đất này ông Nguyễn Trường T (là con của ông X) đang quản lý sử dụng và không đồng ý giao lại nhà đất này cho bà. Vì vậy, nay bà khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Trường T dọn và chuyển đi tất cả những đồ đạc có liên quan tại nhà đất số F Đường E, Tổ A, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và giao trả lại nhà đất trên cho bà H, bà Á và bà T1. Bà tự nguyện hỗ trợ cho ông T chi phí di dời là 50.000.000 đồng. Đối với số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định chỗ 2.000.000 đồng, bà tự nguyện chịu.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ông R, bà T2 chết có để lại tài sản là nhà đất số F Đường E, Tổ A, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông R, bà T2 có 04 người con chung gồm bà Á, bà H, bà T1, ông X. Ông X đã có văn bản từ chối nhận di sản, bà H, bà Á, bà T1 đã thực hiện thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo quy định của pháp luật và đã được cập nhật thông tin là những người có quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, bà H, bà Á, bà T1 không được quản lý sử dụng tài sản do ông T đang chiếm giữ. Do đó, nay

bà H khởi kiện yêu cầu ông T dọn và chuyển đi tất cả những đồ đạc có liên quan tại nhà đất số F Đường E, Tổ A, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và giao trả lại nhà đất trên cho bà H, bà Á và bà T1 là phù hợp pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

* Ông Nguyễn Trường T trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông là con của ông Nguyễn Hồng X, là cháu nội của ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị T2. Từ nhỏ đến lớn ông sống với bà nội là bà T2 tại nhà số F Đường E, Tổ A, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông chỉ ở tại nhà này để thờ phụng bà nội, không cải tạo sửa chữa và mua bán gì đối với tài sản này. Do đó, nay bà H khởi kiện yêu cầu ông dọn đi và trả lại nhà đất này thì ông không đồng ý. Lý do vì các cô của ông là bà H, bà Á, bà T1 không có di chúc của bà nội ông để lại tài sản này, không có sự đồng ý của chủ hộ là ông, cha ông là ông X từ chối nhận di sản nhưng không có sự đồng ý của chủ hộ là ông thì cũng không có giá trị vì ông X chỉ là người có hộ khẩu ghép.

Ông không yêu cầu bà H, bà Á, bà T1 phải trả chi phí bảo quản, giữ gìn tài sản cho ông.

Trong quá trình tham gia tố tụng, ông T trình bày ngoài 04 người con chung với bà nội ông là bà Nguyễn Thị T2 thì ông nội ông là ông Nguyễn Văn R có 04 người con riêng khác gồm ông T4 ở gần chợ H1, ông T5, ông K và 01 ông thường gọi là ông T6 (ông không biết chính xác tên là gì). 04 người này ông chỉ biết thông tin như vậy, không biết họ tên, địa chỉ chính xác. Tại phiên tòa, ông T rút lại ý kiến này. Ông xác nhận đã nhận thông báo của Tòa án về việc cung cấp thông tin của những người con riêng của ông R. Tuy nhiên, ông không cung cấp được thông tin.

* Bà Nguyễn Xuân T1 trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà thống nhất với ý kiến của bà H đã trình bày. Bà không biết những người con nào khác của ông R như ông T trình bày. Pháp luật đã quy định quyền thừa kế cho những người thừa kế, ông T không có quyền thừa kế tài sản nhưng lại chiếm dụng nhà, không đồng ý giao trả lại nhà cho những người được quyền thừa kế là không đúng.

* Bà Nguyễn Thị Á trình bày trong quá trình tham gia tố tụng:

Bà thống nhất với ý kiến của bà H đã trình bày và không bổ sung gì thêm. Do đi lại khó khăn và sức khỏe không tốt nên bà yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng Tòa án giải quyết vụ án.

* Ông Nguyễn Hồng X trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Ông thống nhất với ý kiến của bà H đã trình bày. Ông T là con của ông. Ông T trình bày về những người con khác của ông R thì ông không biết. Ông từ chối nhận di sản thừa kế của ông R, bà T2 và đã có lập thủ tục từ chối nhận di sản đối với tài sản này vì ông đã được cha mẹ cho phần nhà đất khác nên nhà đất số F Đường E, Tổ A,

Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản thuộc quyền thừa kế của bà H, bà Á, bà T1. Hiện nay, bà H, bà Á, bà T1 đã thực hiện xong thủ tục khai nhận di sản thừa kế và đã được đăng ký là những người có quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ông yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 2033/2023/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung

năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc ông Nguyễn Trường T dọn và chuyển đi tất cả những đồ đạc có liên quan tại nhà đất số F Đường E, Tổ A, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và giao trả lại nhà đất số F Đường E, Tổ A, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Á, bà Nguyễn Xuân T1 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số BĐ 028979, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00688 do Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/12/2010, cập nhật thay đổi tên chủ sở hữu sử dụng ngày 08/3/2022.

2/ Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H hỗ trợ cho ông Nguyễn Trường T chi phí di dời là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

3/ Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 2.000.000 (hai triệu) đồng bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ số tiền này.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Trường T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí do thuộc đối tượng là người cao tuổi.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 23/6/2023, bị đơn Nguyễn Trường T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 2033/2023/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Hội đồng xét xử động viên, hòa giải nhưng các bên đương sự không thương lượng, hòa giải được với nhau.

Người kháng cáo là bị đơn ông Nguyễn Trường T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cụ thể: Ông T xác định tài sản là nhà đất số F Đường E, Tổ A, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị T2 (là ông bà N của ông T) tạo lập do nhận chuyển nhượng từ bà Huỳnh Thị Xuân T7 từ năm 1970. Sau năm 1975 ông R và bà T2 tiếp tục sử dụng nhà đất. Năm 2001 ông R chết, bà T2 Tiếp tục sử dụng nhà đất cho đến nay. Ngày 08/3/1990 mẹ ông T là bà Trần Thị P1 có mua đất của ông R và bà T2 với tổng diện tích đất trồng cây lâu năm là 150m" (Giấy tờ chuyển nhượng là giấy viết bằng tay) để xây dựng nhà ở (Số nhà F Đường E, Tổ A, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) với thêm 03 căn phòng trọ. Hiện tại ông T đang đứng tên chủ hộ, trực tiếp trông nom, bảo vệ tài sản và ông T đã thường trú ổn định từ nhỏ cho đến lớn tại nhà số F Đường E, Tổ A, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T cho rằng cha của ông là Nguyễn Hồng X cùng các cô là nguyên đơn bà H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Á, bà T1 tự ý phân chia tài sản nhằm mục đích đuổi ông T và Em gái của ông ra khỏi nhà đất gây khó khăn về chỗ ở cho anh, em ông T. Ông T yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho ông và em được ổn định chỗ ở, không chấp nhận yêu cầu đòi lại tài sản là nhà đất số F Đường E, Tổ A, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Xuân T1 đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:

Về Chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Chủ tọa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Trường T làm và nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Trường T là không có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Trường

T, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 22/6/2023 Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm và tuyên án vụ án. Bị đơn là ông Nguyễn Trường T nộp đơn kháng cáo bản án vào ngày 23/6/2023 là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Trường T đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định tại Điều 276 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó đơn kháng cáo của ông Nguyễn Trường T được chấp nhận xem xét tại cấp phúc thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trọng vụ án không có kháng cáo gồm: Ông Nguyễn Hồng X, bà Nguyễn Thị Á xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Xét kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Trường T:

Xét về nguồn gốc tài sản là di sản thừa kế có tranh chấp và những người thừa kế di sản: Căn cứ lời khai nhận của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định tài sản là nhà đất số F Đường E, Tổ A, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị T2 (là ông bà N của ông T) tạo lập do nhận chuyển nhượng từ bà Huỳnh Thị Xuân T7 từ năm 1970. Ông R và bà T2 có 04 người con chung gồm: Bà Nguyễn Thị Á, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Hồng X, bà Nguyễn Xuân T1. Ông Nguyễn Văn R chết ngày 05/9/1979 (Trích lục khai tử số 339/2021/TLKT-BS ngày 07/5/2021 do UBND Phường L thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp). Nhà đất đã được Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số BĐ 028979, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00688 ngày 22/12/2010 cho bà Nguyễn Thị T2 (là đồng sở hữu và đại diện cho các thừa kế của ông Nguyễn Văn R). Bà Nguyễn Thị T2 chết ngày 03/11/2018 (Trích lục khai tử số 266/2021/TLKT-BS ngày 26/4/2021 do UBND Phường L thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp) không để lại di chúc. Ngày 20/5/2021 ông Nguyễn Văn X1 đã có văn bản từ chối nhận di sản thừa kế tài sản này của ông R và bà T2. Ngày 04/6/2021 bà Á, bà H, bà T1 đã thực hiện thủ tục khai nhận di sản thừa kế đối với nhà đất số F Đường E, Tổ A, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 08/3/2022, bà Á, bà H, bà T1 đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T đăng ký biến động là những người có quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số BĐ 028979, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00688 ngày 22/12/2010 (Thửa đất có diện tích 101m). Do đó, bà Á, bà H, bà T1 là những người có quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với nhà đất số F Đường E, Tổ A, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn là ông Nguyễn Trường T là con ông Nguyễn Hồng X đã cư trú và ở tại nhà đất tranh chấp từ nhỏ đến nay. Nguyên đơn là bà H cùng các đồng sở hữu nhà đất trên hiện nay không được thực hiện quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất hợp pháp do ông T chiếm dụng không đồng ý giao trả tài sản là nhà đất trên nên khởi kiện yêu cầu tòa án buộc bị đơn là ông T phải di dời khỏi nhà đất để giao trả cho bà H cùng các đồng sở hữu theo quy định pháp luật. Xét tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá chứng cứ, nhận định và áp dụng Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015 về quyền đòi lại tài sản của chủ sở hữu tài sản đối với người chiếm hữu, sử dụng tài sản không có căn cứ pháp luật để xử và tuyên án chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn là bà H đối với bị đơn là ông T là có căn cứ pháp luật.

Xét ông T cung cấp chứng cứ cho rằng mẹ của ông là bà P1 có mua đất của ông K1 và bà T2 bằng giấy viết tay từ năm 1990 với diện tích đất trồng cây lâu năm là 150m để xây dựng nhà ở số nhà F Đường E, Tổ A, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và xây dựng thêm trên phần đất được ba căn nhà trọ. Tuy nhiên, lời trình bày của ông T về việc mua đất để xây nhà nhưng không có chứng thực của chính quyền địa phương nơi có đất cũng như lời khai và chứng cứ có mâu thuẫn và không phù hợp với những lời khai của các bên đương sự cũng như những chứng cứ được xác thực như đã phân tích về nguồn gốc tài sản tại phần trên.

Việc tạo lập tài sản của ông R bà T2; sự kiện ông R, bà T2 chết và quá trình kê khai di sản thừa kế, khước từ di sản thừa kế của những người được hưởng thừa kế và cập nhật sở hữu nhà và quyền sử dụng đất của nguyên đơn được thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật và không có tranh chấp.

Xét tại phiên tòa, phía nguyên đơn là bà H xác định không tranh chấp phần diện tích đất 150m mà ông T cho rằng bà P1 (mẹ ông T) đã mua của ông R bà T2, vì thực tế cha mẹ của bà trước đây đã cho ông X (cha ông T) và vợ phần đất 150m" nêu trên, trên phần đất có nhà số F Đường E, Tổ A, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, việc kháng cáo của bị đơn là ông T yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở.

Từ những nhận định trên cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông T, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 2033/2023/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do đây là vụ án đòi lại tài sản là nhà đất mà phía nguyên đơn cho rằng ông T là bị đơn chiếm hữu, sử dụng không đúng quy định pháp luật nên yêu cầu trả lại nhà đất. Cấp sơ thẩm chưa tuyên buộc ông Nguyễn Trường T phải ra khỏi nhà đất số F Đường E, Tổ A, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh là chưa đầy đủ. Do đó, cấp phúc thẩm bổ sung phần quyết định để đảm bảo việc thi hành án.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm ông Nguyễn Trường T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 293 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật từ ngày 01/7/2016.

- Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Trường T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Buộc ông Nguyễn Trường T phải ra khỏi nhà đất số F Đường E, Tổ A, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; dọn và chuyển đi tất cả những đồ đạc có liên quan đến quyền sở hữu của ông T tại nhà đất số F Đường E, Tổ A, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và giao trả lại nhà đất số F Đường E, Tổ A, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Á, bà Nguyễn Xuân T1 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số BĐ 028979, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00688 do Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/12/2010, cập nhật thay đổi tên chủ sở hữu sử dụng ngày 08/3/2022.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H hỗ trợ cho ông Nguyễn Trường T chi phí di dời là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 2.000.000 (hai triệu) đồng bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ số tiền này.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Trường T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí do thuộc đối tượng là người cao tuổi.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Trường T phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2023/0004250 ngày 12/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao (Tại Tp.HCM);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao (Tại Tp.HCM);
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Thi hành án dân sự Tp Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Tp Thủ Đức;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng